

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: .....

Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương đang có kế hoạch lựa chọn đơn vị thực hiện công việc cụ thể như sau:

- Đánh giá nước sinh hoạt (nước sạch dùng để nấu ăn) theo tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- Đánh giá nước uống trực tiếp từ vòi máy lọc nước theo tiêu chuẩn QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai;
- Đánh giá nước thải từ hệ thống xử lý nước thải theo tiêu chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế
- Quan trắc không khí xung quanh theo tiêu chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- Quan trắc đánh giá hoạt động quản lý chất thải rắn theo quy định tại thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Xin xem bản phụ lục đính kèm.

**1. Mục đích báo giá:** Làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

**2. Thời hạn gửi báo giá:** trước 16h 00, ngày 09 tháng 04 năm 2025.

**3. Yêu cầu báo giá:**

- Giá theo thị trường đã bao gồm thuế VAT và tất cả các loại thuế, phí, lệ phí liên quan.
- Về khối lượng, chất lượng: Nhà thầu đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ và các nội dung theo yêu cầu của thư chào giá.
- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 03 tháng kể từ ngày phát hành.
- Gửi kèm bản sao giấy phép Đăng ký kinh doanh của Quý Công ty.

4. Hình thức gửi báo giá: Đề nghị Quý Công ty gửi bản cứng (có ký và đóng dấu), gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện (trường hợp gửi bưu điện thời gian nhận báo giá phải trước thời hạn gửi báo giá quy định tại mục 2).

5. Địa điểm nhận báo giá: Phòng 132, bộ phận Văn thư, Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

6. Cần tìm hiểu thêm thông tin: Xin liên hệ Trưởng phòng Quản trị: Ths. Nguyễn Thị Quỳnh Chi 024.37821895 (683).

Quý đơn vị có quyền góp ý nếu thông tin trên chưa đầy đủ, có tính chất chỉ định hoặc có phương án đề xuất với mục đích sản phẩm và dịch vụ có chất lượng tốt hơn, hiệu quả hơn xin vui lòng góp ý. Viện sẽ xem xét hoàn thiện hồ sơ theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Lê Lâm

## PHỤ LỤC

(Đính kèm Thư mời chào giá ngày 03 tháng 04 năm 2025)

1. Phân tích nước ăn uống (nước sạch dùng để nấu ăn) theo tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	Độ đục	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
2	Độ pH	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
3	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
4	Clorua	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
5	Hàm lượng Sắt	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
6	Hàm lượng Nitrat (NO <sub>3</sub> -)	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
7	Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> -)	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
8	Hàm lượng Sulfat (SO <sub>4</sub> )	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
9	Chỉ số Pecmanganat	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
10	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
11	Hàm lượng Nhôm	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
12	Hàm lượng mangan tổng số	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
13	Hàm lượng Chi	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
14	Hàm lượng Amoni	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
15	Hàm lượng Asen	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
16	Hàm lượng Thủy ngân	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
17	Hàm lượng Cadimi	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
18	Hàm lượng Đồng tổng số	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
19	Hàm lượng Kẽm	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
20	Coliform tổng số	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
21	E.coli	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW
22	Hàm lượng Florua	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước của Viện Huyết học – Truyền máu TW

2. Phân tích nước uống trực tiếp từ vòi máy lọc nước theo tiêu chuẩn QCVN 6-1:2010/BYT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	Antimony, mg/l	Mẫu	20	1 lần/ cây lọc/ năm	Tại các khoa lâm sàng của Viện
2	Arsen, mg/l	Mẫu	20		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
3	Bari, mg/l	Mẫu	20		Huyết học – Truyền máu TW
4	Bor, mg/l	Mẫu	20		
5	Bromat, mg/l	Mẫu	20		
6	Cadmi, mg/l	Mẫu	20		
7	Clor, mg/l	Mẫu	20		
8	Clorat, mg/l	Mẫu	20		
9	Clorit, mg/l	Mẫu	20		
10	Crom, mg/l	Mẫu	20		
11	Đồng, mg/l	Mẫu	20		
12	Xyanid, mg/l	Mẫu	20		
13	Flourid, mg/l	Mẫu	20		
14	Chì, mg/l	Mẫu	20		
15	Managan, mg/l	Mẫu	20		
16	Thủy ngân, mg/l	Mẫu	20		
17	Molybden, mg/l	Mẫu	20		
18	Nickel, mg/l	Mẫu	20		
19	Nitrat 5, mg/l	Mẫu	20		
20	Nitrit 5, mg/l	Mẫu	20		
21	Selen, mg/l	Mẫu	20		
22	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt	Mẫu	20		
23	Coliform tổng số	Mẫu	20		
24	Streptococci Feacal	Mẫu	20		
25	Bao tử vi khuẩn kỵ khí khử sunfit (vi khuẩn gây bệnh)	Mẫu	20		
26	Pseudomonas aeruginosa	Mẫu	20		

3. Quan trắc nước thải từ hệ thống xử lý nước thải theo tiêu chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	pH	Mẫu	15		Tại 2 điểm xả, và 1 điểm đầu
2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	15		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	CO <sub>2</sub>	Mẫu	13	4 mẫu lần x 3 quy x 1 mẫu kiểm định tại khí và khí thường	Yêu trước khi xử lý tại Viện Huỷ di học Truyền máu TW
4	Chỉ số độ đục (Turb)	Mẫu	13		
5	NO <sub>2</sub>	Mẫu	13		
6	NO <sub>3</sub>	Mẫu	13		
7	PM <sub>10</sub>	Mẫu	13		
8	PM <sub>2.5</sub>	Mẫu	13		
9	Màu nước động thực vật	Mẫu	13		
10	Coliform	Mẫu	13		
11	Salmonella	Mẫu	13		
12	Shigella	Mẫu	13		
13	Yersinia enterocolitica	Mẫu	13		

4. Chuẩn trắc không khí xung quanh theo tiêu chuẩn QCVN 03:2012/HYNTT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí: Tiếng ồn (QCVN 02:2010/HYNTT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực đặc biệt) và độ rung (QCVN 22:2010/HYNTT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (khu vực đặc biệt).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	NIH	Mẫu	14	2 mẫu lần x 2 lần năm	Tại các vị trí quy định trong Giấy phép môi trường do Sở NN&PT phê duyệt cho Viện Huỷ di học Truyền máu TW
2	HCH	Mẫu	14	2 mẫu lần x 2 lần năm	
3	Chỉ số Hydrocarbon	Mẫu	14	2 mẫu lần x 2 lần năm	
4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	14	2 mẫu lần x 2 lần năm	
5	CO	Mẫu	14	2 mẫu lần x 2 lần năm	
6	NO <sub>3</sub>	Mẫu	14	2 mẫu lần x 2 lần năm	
7	Chỉ số độ rung	Mẫu	14	2 mẫu lần x 2 lần năm	
8	Độ rung	Mẫu	14	2 mẫu lần x 2 lần năm	

5. Chuẩn trắc chất giá hoạt động quản lý chất thải rắn theo quy định tại thông tư 30/2017 TT-HY/T và thông tư 03/2013 TT-HYNTT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
	Hào vận chính giá phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải chất thải rắn x số (chất thải tại các sinh hoạt, nguy hại) theo thông quy định tại thông tư số	Đợt	4	40 khoa/lần	Tại tất cả các Khoa phòng của Viện Huỷ di học Truyền máu Trung ương

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
	20/2021/TT-BYT và TT 02/2022/TT - BTNMT, gồm				
1	<i>Đánh giá phân loại chất thải rắn y tế</i> - Chất thải tái chế - Chất thải nguy hại lây nhiễm - Chất thải nguy hại không lây nhiễm - Chất thải sinh hoạt				
2	<i>Đánh giá Thu gom chất thải y tế</i> - Chất thải tái chế - Chất thải nguy hại lây nhiễm - Chất thải nguy hại không lây nhiễm - Chất thải sinh hoạt				
3	<i>Đánh giá lưu giữ chất thải y tế</i> - Chất thải tái chế - Chất thải nguy hại lây nhiễm - Chất thải nguy hại không lây nhiễm - Chất thải sinh hoạt				
4	<i>Đánh giá vận chuyển xử lý chất thải y tế</i> - Chất thải tái chế - Chất thải nguy hại lây nhiễm - Chất thải nguy hại không lây nhiễm - Chất thải sinh hoạt				